



教務處 學則 說明會

Giải thích Quy tắc học vụ

報告人: 註冊組 張美枝組長

Báo cáo viên: Trưởng nhóm Đăng ký - Trường Mỹ Chi

地點: 美和大樓二樓SC207教室

Địa điểm: Phòng học SC207, Tầng 2, Tòa nhà Mỹ Hòa

日期: 113年3月29日

Thời gian: Ngày 29 tháng 3 năm 113

參加人員: 餐旅系國際學生產學合作專班學生

Thành viên tham dự: Sinh viên chương trình hợp tác học nghiệp

Khoa Quản lý nhà hàng khách sạn





大綱

Các ý chính

■ 一、教務處位置說明

一、Giới thiệu về vị trí của Văn phòng Đào tạo.

■ 二、教務處業務說明

二、Giới thiệu về chức năng của Văn phòng Đào tạo.

■ 三、學則內容說明

三、Giới thiệu về nội dung của Quy định học vụ.





美和科技大學
MEIHO UNIVERSITY

教務處

Phòng học vụ



教務長

Trưởng phòng học vụ

課務組

Bộ phận quản lý học tập

註冊組

Bộ phận đăng ký





教務處

Phòng học vụ

課務組/教務長室/註冊組
Bộ phận quản lý học tập/ Phòng của Trường
phòng học vụ/ Bộ phận đăng ký

興春樓G棟3樓
Tầng 3, Tòa G, Tòa Xing chun



美和大樓SC棟1樓
Tầng 1, Tòa SC, Tòa Mỹ Hòa

我是自動繳費機
Tôi là máy thanh toán tự động



Giải quyết vấn đề liên quan
đến khóa học

課程問題來這裡

課務組

Curriculum Section

通識教育中心

General Educational Center

Giải quyết các vấn đề liên quan
đến hồ sơ học vụ và điểm số

學籍、成績問題來
這裡

註冊組

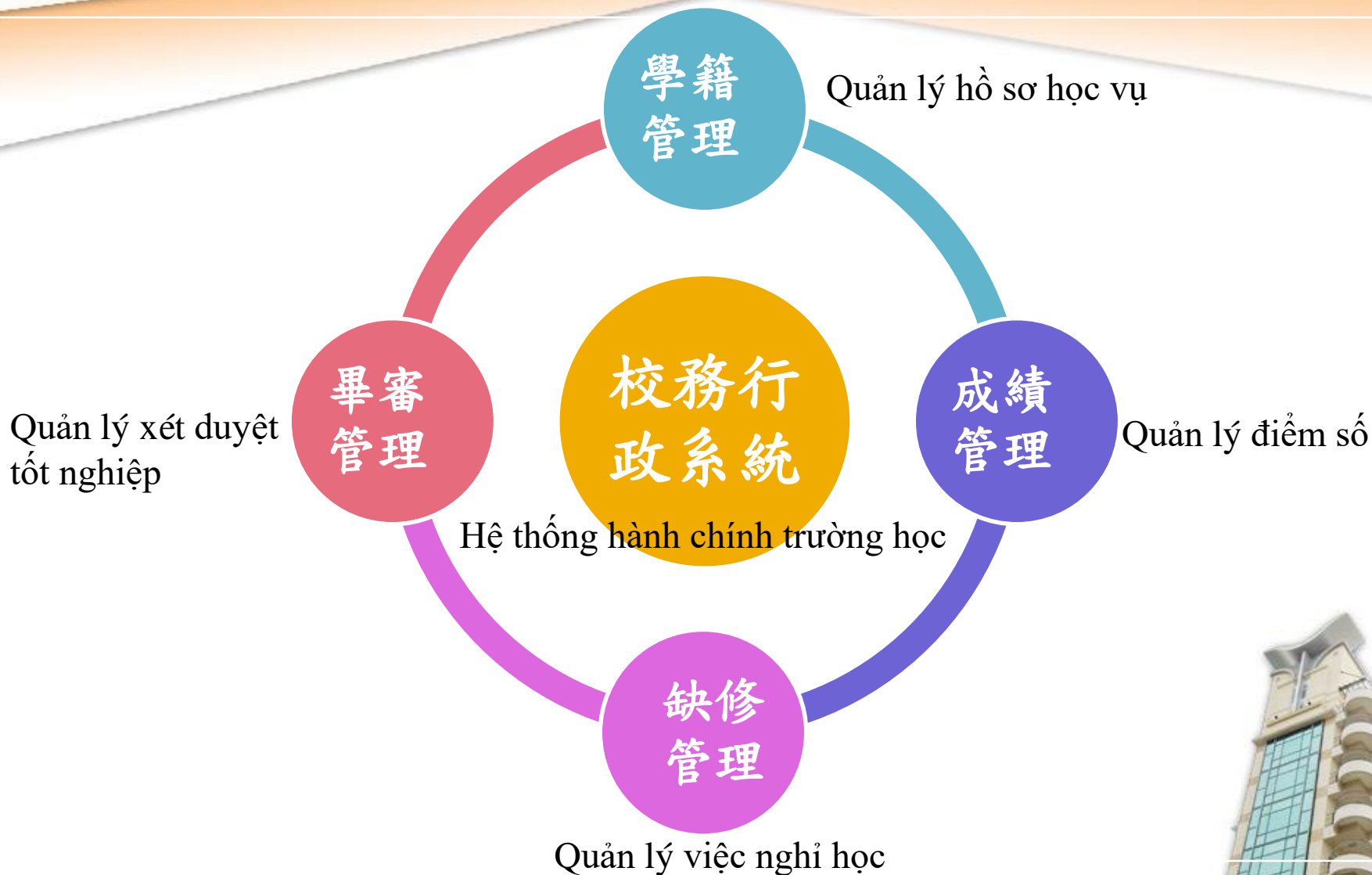
Registrar section





業務說明

Thông tin chi tiết về công việc và hoạt động





業務執行法源依據

Cơ sở pháp lý áp dụng

➤ 美和科技大學學則：

Quy định của Trường Đại học Mỹ Hòa

學籍、成績、畢業資格之規範管理作業

Quy trình quản lý chuẩn mực về học vị, điểm số và tư cách tốt nghiệp

➤ 網頁路徑：

Đường dẫn trang web:

教務處-註冊組-相關規章-學則

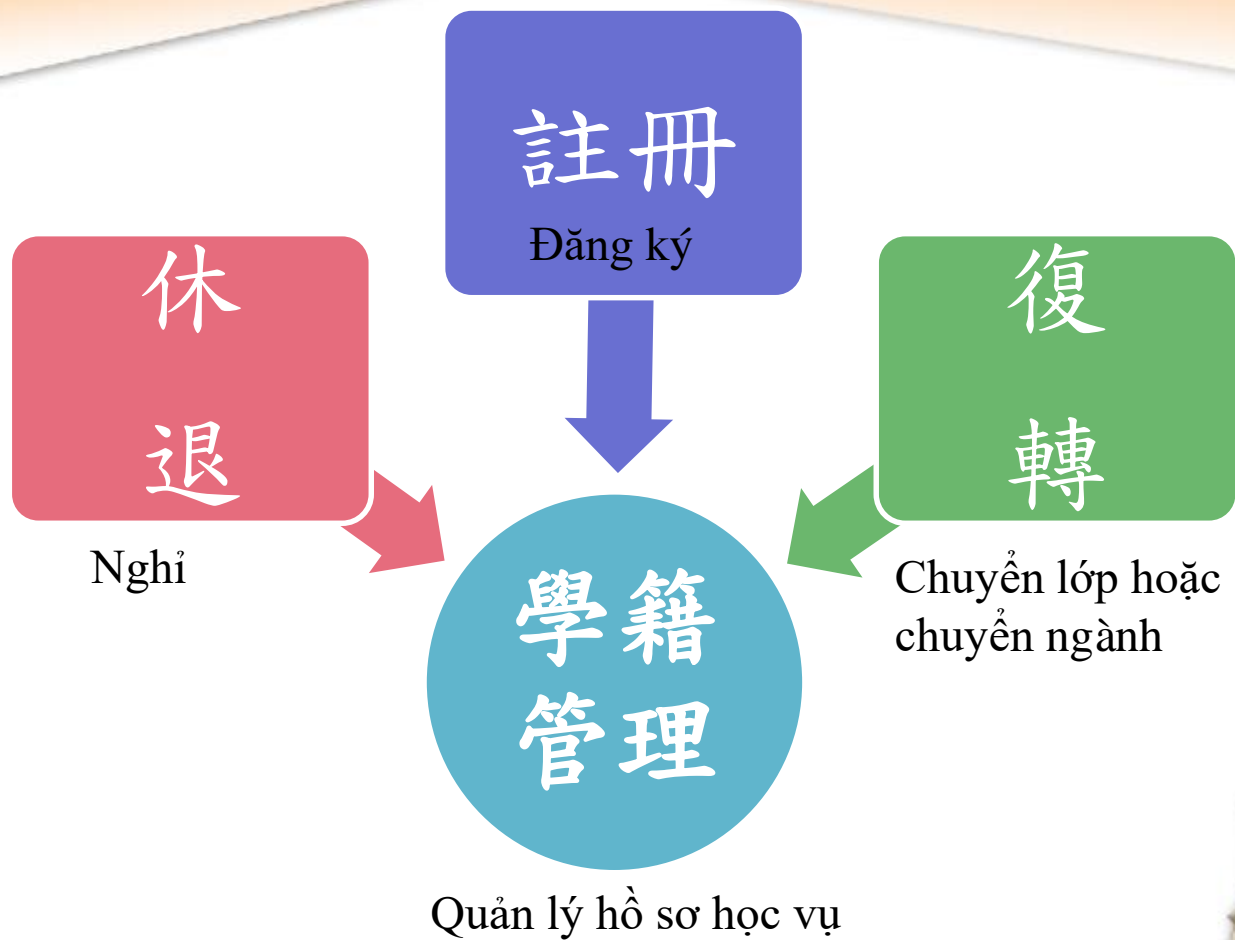
Phòng học vụ- Bộ phận đăng ký - Quy định liên quan -
Quy định học tập





學籍管理作業

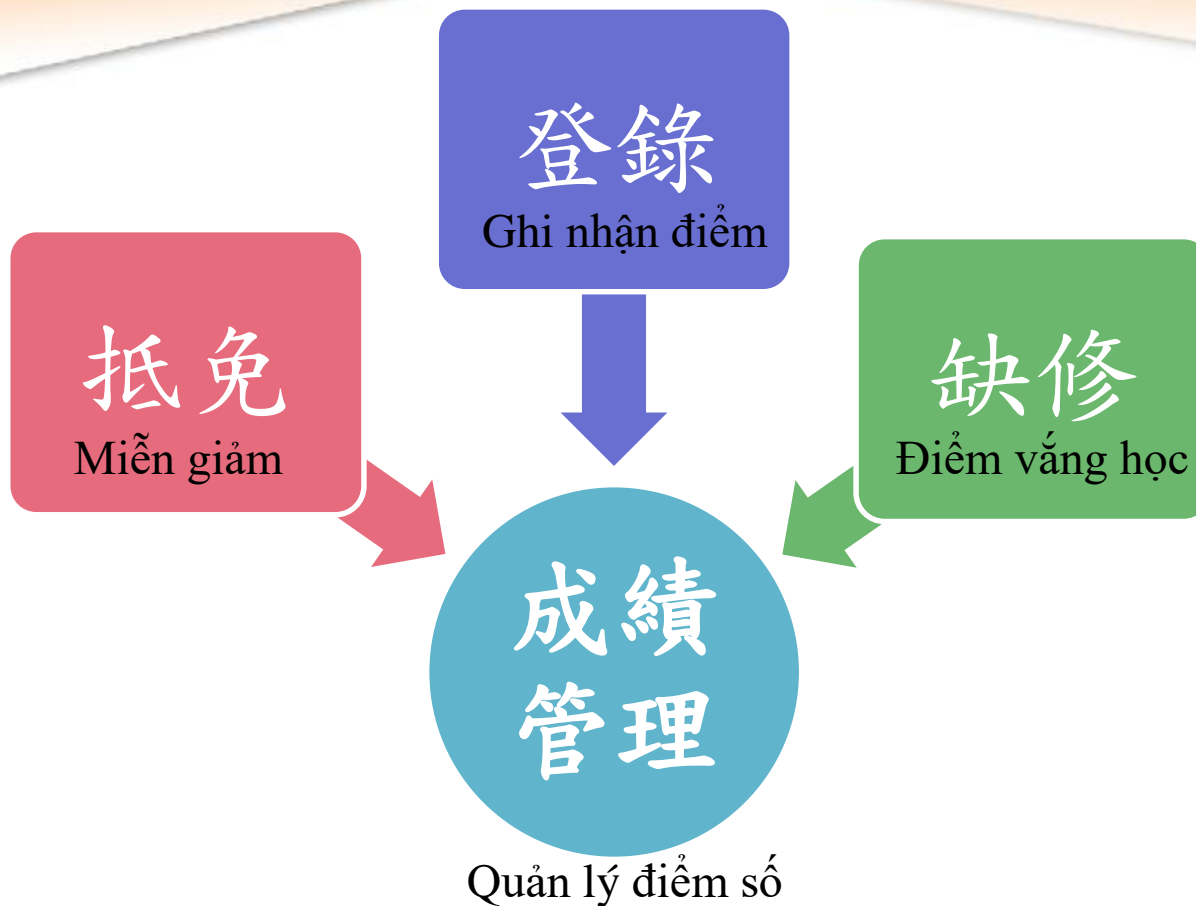
Quy trình quản lý hồ sơ học vụ





成績管理作業

Quy trình quản lý điểm số





畢業審查管理作業

Quy trình quản lý đánh giá tốt nghiệp





美和科技大學學則內容說明

Giải thích nội dung của Quy định của Trường Đại học Mỹ Hòa

- 總計七章五十六條法規
Tổng cộng bảy chương, năm mươi sáu điều luật
- 第一章 入學
Chương thứ nhất: Vấn đề nhập học
- 第二章 註冊、繳費、選課
Chương thứ hai: Đăng ký, thanh toán học phí, lựa chọn môn học
- 第三章 修業年限、學分、成績
Chương thứ ba: Thời gian học, tín chỉ, điểm số
- 第四章 請假、休學、復學、退學
Chương thứ tư: Nghỉ phép, nghỉ học, tiếp tục học, thôi học
- 第五章 轉系、轉學
Chương thứ năm: Chuyển ngành, chuyển trường
- 第六章 輔系、雙主修
Chương thứ sáu: Chương trình phụ, học hai chuyên ngành
- 第七章 畢業、學位
Chương thứ bảy: Tốt nghiệp, bằng cấp





第一章 入學

Chương thứ nhất: Nhập học

● Điều 8

- Nếu phát hiện thông tin đăng ký nhập học của sinh viên mới không chính xác hoặc có vi phạm gian lận, sẽ bị hủy bỏ điều kiện nhập học hoặc thu hồi học vị ngay lập tức.
- Đối với bằng cấp đã được cấp, nếu có một trong những trường hợp sau, sẽ bị thu hồi và xử lý theo quy định của pháp luật liên quan:
 - Thông tin đăng ký nhập học hoặc học vị không chính xác hoặc có vi phạm gian lận
 - Bài luận văn, tác phẩm, chứng chỉ thành tích, báo cáo bằng văn bản, báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thực hành chuyên ngành có sự làm giả, biến tấu, sao chép, viết thay hoặc các hành vi gian lận khác.

● 第八條

- 新生入學資格或修業情形有不實或舞弊情事，一經查明，即取消入學資格或撤銷學籍。
- 已授予之學位，如有下列情事之一者，應予撤銷，並依相關法令規定處理：
 - 一、入學資格或修業情形有不實或舞弊情事
 - 二、論文、作品、成就證明、書面報告、技術報告或專業實務報告有造假、變造、抄襲、由他人代寫或其他舞弊情事。





第二章 註冊、繳費、選課

Chương thứ hai: Đăng ký, thanh toán học phí, lựa chọn môn học

- Điều 9
 - Sinh viên cần đăng ký học mỗi học kỳ vào ngày được quy định.
- Điều 10
 - Sinh viên cần thanh toán các khoản phí vào mỗi học kỳ theo quy định. Sinh viên sau khi đăng ký nhập học, nếu muốn nghỉ học hoặc rút học, việc hoàn trả học phí sẽ được xử lý theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Điều 11
 - Sinh viên cần lựa chọn môn học theo thời khóa biểu được đặt ra bởi từng khoa và tuân thủ theo quy định của trường.
- 第九條
 - 學生應於每學期依規定日期辦理註冊。
- 第十條
 - 學生應於每學期註冊時，依照規定繳納各項費用。學生註冊入學後，申請休學或退學者，其退費標準依照教育部之規定辦理。
- 第十一條
 - 學生選課須依照各系訂定之課程表及本校學生選課辦法辦理。





第三章 修業年限、學分、成績

Chương thứ ba: Thời gian học, tín chỉ, điểm số

- Điều 17
 - Mỗi học kỳ, sinh viên cần học ít nhất 9 tín chỉ và không quá 25 tín chỉ, là nguyên tắc của chương trình đại học 4 năm.
- Điều 19
 - Áp dụng hệ thống tín chỉ theo năm học, sinh viên từng khoa cần hoàn thành thời gian học quy định và đạt đủ số tín chỉ quy định cùng với điểm số đạt điều kiện, mới được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian học trong chương trình 4 năm của mỗi khoa được xác định là 4 năm, với tổng số tín chỉ cần hoàn thành ít nhất là 128 tín chỉ.
- Điều 20
 - Việc tính toán số tín chỉ môn học trong mỗi học kỳ, cơ bản là mỗi 18 giờ học được tính là một tín chỉ; về môn học thực hành hoặc thí nghiệm, số giờ học mỗi tuần được các khoa tự quyết định.
- 第十七條
 - 學生每學期修習學分數，大學部四年制每學期不得少於九學分及不得多於二十五學分為原則。
- 第十九條
 - 採學年學分制，各系學生須修滿規定年限，並修滿各該系規定學分且成績及格者，方得畢業。四年制各系修業年限以四年為原則，所修學分總數至少須修滿一二八學分。
- 第二十條
 - 各系科目學分之計算，每學期原則以授課滿十八小時為一學分；實習或實驗，每週授課時數由各系自行決定。





第四章 請假、休學、復學、退學

Chương thứ tư: Xin phép nghỉ, nghỉ học, tiếp tục học, thôi học

● Điều 34

- Sinh viên vì lý do không thể tham dự lớp học, phải tuân thủ quy định của Phòng công tác sinh viên về "Quy định về việc sinh viên xin phép nghỉ học". Sinh viên được phê duyệt xin phép nghỉ học được tính là vắng mặt (trừ trường hợp nghỉ học được chấp nhận), việc không xin phép nghỉ hoặc xin phép nhưng không được chấp nhận mà vắng mặt được gọi là trốn học. Sinh viên không tham gia kỳ thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ mà không xin phép hoặc xin phép nhưng không được chấp nhận được gọi là trốn kỳ thi.

● Điều 38

- Sinh viên có một trong những tình huống sau đây sẽ phải nghỉ học:
 - Từ ngày bắt đầu học, số ngày (giờ) vắng học và trốn học đạt đến một phần ba số ngày (giờ) học dự kiến trong kỳ học đó.
 - Quyết định phải nghỉ học do Ban thường phát sinh viên của trường quyết định.

● 第三十四條

- 學生因故不能上課，須依照學務處「學生請假辦法」辦理請假，經核准請假者為**缺課**（公假除外），未經請假或請假未准而未上課者為**曠課**。未經請假或請假未准而未參加期中、期末考者為**曠考**。

● 第三十八條

- 學生有下列情形之一者，應令**休學**：
 - 一. 自上課之日始，其缺、曠課日（時）數達該學期授課總日（時）數**三分之一**者。
 - 二. 經本校**學生獎懲評議委員會**決議必須辦理休學者。





第四章 請假、休學、復學、退學

Chương thứ tư: xin phép nghỉ, nghỉ học, tiếp tục học, thôi học

● Điều 41

➤ Sinh viên có một trong những tình huống sau đây sẽ bị buộc phải thôi học:

- Quá thời hạn không đăng ký hoặc không trở lại học sau thời gian nghỉ học.
- Số tín chỉ của các môn học không đạt điểm trung bình trong học kỳ, liên tục trong hai học kỳ liên tiếp, chiếm ít nhất hai phần ba tổng số tín chỉ đã học trong học kỳ đó.
- Khi kỳ hạn học vụ kết thúc, sinh viên không hoàn thành số môn học và tín chỉ cần thiết theo quy định của khoa sau hai năm học và đã được gia hạn thêm hai năm theo quy định, trừ trường hợp sinh viên khuyết tật học bằng cấp thạc sĩ, do tình trạng sức khỏe và nhu cầu học tập, được phép gia hạn thêm tối đa bốn năm.
- Quyết định rút học do Ban thường phạt sinh viên của trường quyết định.
- Sinh viên đã đăng ký học ở trường khác mà không có sự đồng ý của trường mình.
- Sinh viên tự động đăng ký rút học.
- Những trường hợp khác cần rút học theo quy định của Quy định của Trường.

● 第四十一條

➤ 學生有下列情形之一者，應予退學：

- 一. 逾期未註冊或休學逾期未復學者。
- 二. 學期學業成績不及格科目之學分數，連續兩學期達該學期修習學分總數三分之二者。
- 三. 在規定修業期限屆滿，經依規定延長二學年，仍未修足所屬系別規定應修之餘科目與學分者；惟身心障礙學生修讀學士學位，因身心狀況及學習需要，得延長修業期限，至多四年。
- 四. 經學生獎懲評議委員會決議退學者。
- 五. 未經本校同意，同時在他校註冊入學者。
- 六. 自動申請退學者。
- 七. 其他依本學則規定應予退學者。





第七章 畢業、學位

Chương thứ bảy: Tốt nghiệp, bằng cấp

● Điều 53

➤ Sinh viên khi hoàn thành chương trình học, đủ môn học và tín chỉ yêu cầu, có điểm số đạt yêu cầu, đã hoàn thành thời gian thực tập (nếu có), và đạt điểm đủ trong môn thể dục và đạo đức trong học kỳ cuối cùng, sẽ được cấp bằng cử nhân theo quy định của trường.

● 第五十三條

➤ 學生修業期滿，修滿應修之科目及學分，成績及格，有實習年限者，實習完畢，經考核成績及格者，且學期體育及操行成績及格者，准予畢業，由本校依規定授予學士學位發給學位證書。





美和科技大學
MEIHO UNIVERSITY

SMART MU
THANK YOU

